

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – ĐỀ 1

MÔN: TIẾNG ANH 3 FAMILY AND FRIENDS

 BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

ĐÁP ÁN

Thực hiện: Ban chuyên môn Loigiaihay.com

I. Circle the odd one out. Write.



II. Write the correct words.

1. run
2. ride a bike
3. play soccer
4. catch

IV. Choose the correct answer.

1. A	2. C	3. C	4. B	5. A
------	------	------	------	------

IV. Reorder the words to make correct sentences.

1. Bob has a round face.
2. There is a doll on my bed.
3. She's wearing a skirt.

LỜI GIẢI CHI TIẾT

I. Circle the odd one out. Write.

(Khoanh vào hình khác loại. Viết.)

1. scarf (n): cái khăn
2. skirt (n): chân váy
3. pants (n): quần
4. shirt (n): áo sơ mi

II. Write the correct words.

(Viết từ đúng.)

1. run (v): *chạy*
2. ride a bike (v phr.): *đi xe đạp*
3. play soccer (v phr.): *chơi bóng đá*
4. catch (v): *bắt*

III. Choose the correct answer.

(Chọn đáp án đúng.)

1. A

Câu trúc nói ai đó có thể làm được gì:

S + can + động từ nguyên mẫu.

He **can catch** a ball. (*Cậu ấy có thể bắt được trái bóng.*)

2. C

Câu trúc nói có cái gì (số nhiều):

There are + số đếm + danh từ số nhiều.

There are six books on the shelf. (*Có 6 quyển sách trên kệ.*)

3. C

Take a photo (v phr.): *chụp ảnh*

May I **take** a photo, please? (*Tôi có thể chụp một tấm ảnh không?*)

4. B

Vì danh từ trong câu này là danh từ số nhiều (pencils) nên ta dùng "These are". "It" và "This" đều không thể dùng cho danh từ số nhiều được.

These are my pencils. (*Đây là những cái bút chì của tôi.*)

5. A

"She" là chủ ngữ ngôi thứ 3 số ít của câu nên động từ chính trong câu cần được chia. Động từ "have" khi chia sẽ có dạng "has".

She **has** short hair. (*Cô ấy có mái tóc ngắn.*)

IV. Reorder the words to make correct sentences.

(Sắp xếp các từ để được những câu đúng.)

1. Bob has a round face. (*Bob có một gương mặt tròn.*)
2. There is a doll on my bed. (*Có một con búp bê trên giường của tôi.*)

3. She's wearing a skirt. (*Cô ấy đang mặc một cái chân váy.*)